



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM**  
**SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE**

**Báo cáo tài chính năm 2023 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023  
đã được kiểm toán**

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City  
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 • Fax: (028) 3820 5942  
Email: [info@aascs.com.vn](mailto:info@aascs.com.vn) Website: [www.aascs.com.vn](http://www.aascs.com.vn)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE**

**Báo cáo tài chính năm 2023 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**đã được kiểm toán**



## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 – 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	7 – 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 31

0501  
CÔNG  
TN  
DỊCH VỤ  
CHÍNH  
VÀ KIỂM  
PHIA  
- T.P

0683  
ÔNG T  
Ổ PH  
DƯỢC  
ENLI  
47-T.B

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Enlie (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính năm 2023 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

Công ty Cổ phần Dược Enlie (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700683163 ngày 29/12/2005 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 16 ngày 07/07/2020 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

### **Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty:**

Sản xuất, mua bán các loại dược phẩm, vật tư y tế; sản xuất, gia công các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng; kinh doanh bất động sản.

### **Hình thức sở hữu vốn**

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 60.000.000.000 VNĐ

Vốn góp của các cổ đông đến ngày 31/12/2023: 60.000.000.000 VNĐ

### **Hội đồng Quản trị Công ty gồm:**

Ông : Phan Thanh Long	Chủ tịch HĐQT
Ông : Phan Thanh Sơn	Thành viên
Ông : An Mạnh Hùng	Thành viên
Ông : Lê Minh Trí	Thành viên

### **Ban Tổng Giám đốc Công ty gồm:**

Ông : An Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc
Ông : Lê Sỹ Tuấn	Giám đốc sản xuất
Ông : Võ Viết Hùng	Giám đốc chất lượng

### **Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính năm 2023.

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Việc lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục;



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE**

**Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam**

---

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

*Bình Dương, ngày 29 tháng 02 năm 2024*

**TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**AN MẠNH HÙNG**



Số: 71 /BCKT/TC/2024/AASCS**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Dược Enlie**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Enlie “Công ty”, được lập ngày 29 tháng 02 năm 2024, từ trang 7 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Enlie chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra các ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

*Tp. HCM, ngày 29 tháng 02 năm 2024*

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán  
và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**



**LÊ ĐÌNH ÁI**

Số Giấy CNĐKHNKT 3770-2023-142-1

**Kiểm toán viên**

**LÊ VĂN THẮNG**

Số Giấy CNĐKHNKT 0974-2023-142-1





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2023

MẪU B 01 – DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>49.664.054.521</b>	<b>61.319.035.296</b>
<i>I . Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>		<b>1.973.969.999</b>	<b>1.076.416.989</b>
1 . Tiền	111	V.1	1.973.969.999	1.076.416.989
2 . Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II . Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>III . Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>		<b>11.987.814.787</b>	<b>27.794.183.242</b>
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	10.515.600.984	24.835.064.597
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.691.311.389	2.270.606.044
3 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	364.060.722	1.350.584.924
4 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(605.494.907)	(662.072.323)
5 . Tài sản thiếu chờ xử lý	139		22.336.599	-
<i>IV . Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	V.6	<b>32.809.296.700</b>	<b>29.613.208.263</b>
1 . Hàng tồn kho	141		32.809.296.700	29.613.208.263
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V . Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>		<b>2.892.973.035</b>	<b>2.835.226.802</b>
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	362.910.131	432.516.934
2 . Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.8	2.437.286.698	2.340.250.615
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8	92.776.206	62.459.253
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>51.503.676.325</b>	<b>51.537.051.940</b>
<i>I . Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>555.000</b>	<b>555.000</b>
1 . Phải thu dài hạn khác	216	V.4	555.000	555.000
<i>II . Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>41.012.050.098</b>	<b>40.217.780.338</b>
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	41.012.050.098	40.217.780.338
- Nguyên giá	222		99.903.770.783	95.194.142.037
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.891.720.685)	(54.976.361.699)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		319.090.900	319.090.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(319.090.900)	(319.090.900)
<i>III . Bất động sản đầu tư</i>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>IV . Tài sản dở dang dài hạn</i>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>V . Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>		<b>4.449.254.005</b>	<b>5.000.000.000</b>
1 . Đầu tư vào công ty con	251	V.11	5.000.000.000	5.000.000.000
2 . Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(550.745.995)	-
<i>VI . Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>		<b>6.041.817.222</b>	<b>6.318.716.602</b>
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	6.041.817.222	6.318.716.602
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>101.167.730.846</b>	<b>112.856.087.236</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE**

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31/12/2023

**MẪU B 01 – DN****Đơn vị: VND**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>66.656.518.694</b>	<b>68.172.639.784</b>
<b>I . Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>62.535.591.194</b>	<b>64.525.681.364</b>
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	13.181.815.249	13.199.196.726
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	9.357.989.332	13.711.224.027
3 . Phải trả người lao động	314		1.196.814.790	1.245.846.200
4 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315		321.171.506	533.777.249
5 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	2.539.078.700	2.652.824.700
6 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	35.813.229.727	32.828.786.822
7 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		125.491.890	354.025.640
<b>II . Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.120.927.500</b>	<b>3.646.958.420</b>
1 . Phải trả dài hạn khác	337	V.14	4.120.927.500	62.851.250
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	-	3.584.107.170
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>34.511.212.152</b>	<b>44.683.447.452</b>
<b>I . Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.16	<b>34.511.212.152</b>	<b>44.683.447.452</b>
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
2 . Quỹ đầu tư phát triển	418		24.103.060	24.103.060
3 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(25.512.890.908)	(15.340.655.608)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(15.340.655.608)	(12.525.224.274)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(10.172.235.300)	(2.815.431.334)
<b>II . Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>101.167.730.846</b>	<b>112.856.087.236</b>



Người lập biểu  
**NGUYỄN THỊ MỸ TRINH**  
 Bình Dương, ngày 29 tháng 02 năm 2024



Kế toán trưởng  
**PHẠM HỒNG NHUNG**



Tổng Giám đốc  
**AN MẠNH HÙNG**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>119.826.854.025</b>	<b>101.700.518.466</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		369.647.348	85.734.740
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	VI.1	<b>119.457.206.677</b>	<b>101.614.783.726</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	118.663.103.320	95.902.128.844
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>794.103.357</b>	<b>5.712.654.882</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	456.542.894	1.630.113.686
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.375.974.027	3.468.346.987
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.660.940.931	2.840.318.630
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.081.583.562	357.234.527
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	6.454.232.883	6.573.200.032
<b>10. (Lỗ) thuần từ HĐKD</b>	<b>30</b>		<b>(10.661.144.221)</b>	<b>(3.056.012.978)</b>
11. Thu nhập khác	31		488.908.922	283.364.630
12. Chi phí khác	32		1	42.782.986
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	488.908.921	240.581.644
<b>14. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(10.172.235.300)</b>	<b>(2.815.431.334)</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. (Lỗ) sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>(10.172.235.300)</b>	<b>(2.815.431.334)</b>

Người lập biểu  
**NGUYỄN THỊ MỸ TRINH**  
 Bình Dương, ngày 29 tháng 02 năm 2024

Kế toán trưởng  
**PHẠM HỒNG NHUNG**



Tổng Giám đốc  
**AN MẠNH HÙNG**





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. (Lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(10.172.235.300)</b>	<b>(2.815.431.334)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.915.358.986	3.226.122.891
- Các khoản dự phòng	03	494.168.579	(103.239.351)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(120.491.658)	(365.115.064)
- Chi phí lãi vay	06	3.660.940.931	2.840.318.630
<b>3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(2.222.258.462)</b>	<b>2.782.655.772</b>
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	15.735.592.835	(862.245.796)
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(3.196.088.437)	(14.660.152.953)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(463.567.332)	15.235.932.082
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	346.506.183	(848.367.689)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.871.046.674)	(2.326.541.381)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(25.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(228.533.750)	(45.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>6.100.604.363</b>	<b>(748.719.965)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(4.709.628.746)	(9.694.354.733)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	60.454.545
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	120.491.658	304.660.519
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.589.137.088)</b>	<b>(9.329.239.669)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
- Tiền thu từ đi vay	33	84.230.039.542	51.604.148.561
- Tiền trả nợ gốc vay	34	(84.829.703.807)	(41.801.965.485)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.250.000)	(35.090.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(613.914.265)</b>	<b>9.767.093.076</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>897.553.010</b>	<b>(310.866.558)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.076.416.989	1.387.283.547
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>	<b>1.973.969.999</b>	<b>1.076.416.989</b>



Người lập biểu  
**NGUYỄN THỊ MỸ TRINH**  
 Bình Dương, ngày 29 tháng 02 năm 2024



Kế toán trưởng  
**PHẠM HỒNG NHUNG**



Tổng Giám đốc  
**AN MẠNH HÙNG**

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

### **I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược Enlie (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700683163 ngày 29/12/2005 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 16 ngày 07/07/2020 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Trụ sở chính đặt tại Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam.

**2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:** Sản xuất, mua bán các loại dược phẩm, vật tư y tế; sản xuất, gia công các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng; kinh doanh bất động sản.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:**

Sản xuất dược phẩm, vật tư y tế; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, sản xuất, gia công các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng; mua bán dược phẩm, vật tư y tế, mỹ phẩm; mua bán hóa chất (trừ hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế), nguyên liệu phục vụ cho sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** 12 tháng

#### **5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.**

Không có thay đổi nào làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính năm 2023 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**6. Tổng số nhân viên tại ngày 31/12/2023:** 110 nhân viên (Ngày 01/01/2023: 139 nhân viên)

#### **7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Trong năm 2023, Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp với số liệu cuối kỳ.

### **II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

#### **1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

### **III. Cơ sở trình bày, chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **2. Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



#### **IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

##### **1. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

##### **3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

##### **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con**

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

##### **Ghi nhận ban đầu**

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Khoản vốn doanh nghiệp đang đầu tư vào công ty con được thành lập theo quy định của pháp luật phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

##### **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.





## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

**Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:**

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong năm.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá đích danh.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 6. Tài sản cố định và khấu hao

#### 6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

### 6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

### 6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

**Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:**

<i>Nhóm tài sản</i>	<i>Số năm trích khấu hao</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	16 – 30 năm
Phương tiện vận tải	05 – 10 năm
Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
Tài sản cố định khác	05 – 08 năm
Phần mềm máy tính	03 – 08 năm

## 7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: tiền thuê đất và công cụ dụng cụ tại văn phòng.

### Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

### Tiền thuê đất:

Tiền thuê đất đã trả cho Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 35 năm.



### **8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

### **9. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai). Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong năm: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

### **11. Tiền lương và các khoản trích theo lương**

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng theo tỷ lệ quy định.

### **12. Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận vốn**

#### **Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu do các thành viên góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

011729...  
CÔNG TY  
TNHH  
H VU TƯ VẤN  
HINH KẾ TOÁN  
KIỂM TOÁN  
PHIA NAM  
P. PHỐ CH...

0683163  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
DƯỢC  
ENLIE  
CÁT-T. BÌNH



**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Hội đồng Quản trị hàng năm.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, lãi chênh lệch tỷ giá và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

**18. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.





**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE**

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VNĐ	VNĐ
<b>Tiền mặt</b>	<b>49.875.679</b>	<b>51.736.975</b>
VNĐ	49.875.679	51.736.975
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>1.924.094.320</b>	<b>1.024.680.014</b>
VNĐ	1.924.094.320	1.024.680.014
<b>Cộng</b>	<b>1.973.969.999</b>	<b>1.076.416.989</b>

**2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VNĐ	VNĐ
Công ty TNHH MTV Dược Enlie	1.368.706.962	19.392.216.187
Công ty CP Dược Đại Nam	6.338.692.975	-
Công Ty CP Kinh Doanh và Phát Triển Bình Dương	1.743.948.183	1.743.948.183
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	1.064.252.864	3.698.900.227
<b>Cộng</b>	<b>10.515.600.984</b>	<b>24.835.064.597</b>

Trong đó:

	31/12/2023	01/01/2023
	VNĐ	VNĐ
<b>Phải thu từ bên liên quan</b>		
Công ty CP Dược Đại Nam	6.338.692.975	-
Công ty TNHH MTV Dược Enlie	1.368.706.962	19.392.216.187
<b>Cộng</b>	<b>7.707.399.937</b>	<b>19.392.216.187</b>

**3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VNĐ	VNĐ
Công ty TNHH XD Và TM Tổng hợp Sông Châu	-	1.224.612.800
Aristoppharma Ltd.	-	669.362.475
Công ty Cổ phần Armephaco	955.695.000	-
Unimark Remedies Ltd	293.667.000	-
Công ty CP TM Dược Phẩm Quốc Tế Phúc Đan	180.772.942	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	261.176.447	376.630.769
<b>Cộng</b>	<b>1.691.311.389</b>	<b>2.270.606.044</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE**

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

**4. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>364.060.722</b>	-	<b>1.350.584.924</b>	-
Công ty TNHH MTV Dược Enlie	-	-	882.982.823	-
Tạm ứng cho Dương Chí Dũng	297.120.382	-	430.395.534	-
Tạm ứng cho nhân viên khác	66.940.340	-	37.206.567	-
<b>Phải thu dài hạn khác</b>	<b>555.000</b>	-	<b>555.000</b>	-
Ký cược, ký quỹ	555.000	-	555.000	-
<b>Cộng</b>	<b>364.615.722</b>	-	<b>1.351.139.924</b>	-

Trong đó:

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu khác từ bên liên quan</b>				
Công ty TNHH MTV Dược Enlie	-	-	882.982.823	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>882.982.823</b>	-

**5. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Dự phòng phải thu khó đòi</b>				
Quầy Imexpharm	191.687.001	(191.687.001)	191.687.001	(191.687.001)
Công ty CP Dược Phẩm An Đông	200.000.000	(200.000.000)	309.403.452	(216.582.416)
Công ty TNHH Dược Phẩm - Trang Thiết Bị Y Tế Thịnh Phát	210.000.000	(210.000.000)	249.995.000	(249.995.000)
Khách hàng khác	3.807.906	(3.807.906)	3.807.906	(3.807.906)
<b>Cộng</b>	<b>605.494.907</b>	<b>(605.494.907)</b>	<b>754.893.359</b>	<b>(662.072.323)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE**

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

**6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
<b>Hàng tồn kho</b>				
Nguyên liệu, vật liệu	21.926.060.067	-	20.091.347.255	-
Công cụ, dụng cụ	5.506.939	-	5.506.939	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.729.995.336	-	9.162.781.991	-
Thành phẩm	2.147.734.358	-	331.235.479	-
Hàng gửi bán	-	-	22.336.599	-
<b>Cộng</b>	<b>32.809.296.700</b>	<b>-</b>	<b>29.613.208.263</b>	<b>-</b>

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VNĐ	VNĐ
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>362.910.131</b>	<b>432.516.934</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	273.124.458	374.806.099
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	89.785.673	57.710.835
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>6.041.817.222</b>	<b>6.318.716.602</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	350.270.691	610.316.139
Tiền thuê đất trả trước (*)	4.134.457.278	4.299.835.566
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.557.089.253	1.408.564.897
<b>Cộng</b>	<b>6.404.727.353</b>	<b>6.751.233.536</b>

(\*) Là quyền sử dụng đất có thời hạn theo theo giấy chứng nhận số BA 163323 cấp ngày 10/08/2010 tại địa chỉ thửa đất số B-8-CN và B-7B-CN KCN Mỹ Phước II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Diện tích: 41.657 m<sup>2</sup>. Thời hạn sử dụng đến tháng 01/2055.

**8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2023	Số phải nộp	Số đã nộp/ khấu trừ	31/12/2023
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Thuế GTGT	2.340.250.615	6.230.572.459	6.327.608.542	2.437.286.698
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.964.719.111	2.964.719.111	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	606.438	606.438	-
Thuế TNCN	62.459.253	176.604.654	206.921.607	92.776.206
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.402.709.868</b>	<b>9.375.502.662</b>	<b>9.502.855.698</b>	<b>2.530.062.904</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE**

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2023	41.509.351.393	48.719.760.558	2.846.879.081	253.911.155	1.864.239.850	95.194.142.037
Tăng trong năm	1.680.191.746	3.029.437.000	-	-	-	4.709.628.746
Mua trong năm	1.680.191.746	3.029.437.000	-	-	-	4.709.628.746
Tại ngày 31/12/2023	43.189.543.139	51.749.197.558	2.846.879.081	253.911.155	1.864.239.850	99.903.770.783
<b>GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2023	18.014.186.058	33.906.122.579	1.614.099.970	253.911.155	1.188.041.937	54.976.361.699
Tăng trong năm	1.511.509.395	2.149.000.347	200.012.004	-	54.837.240	3.915.358.986
Khấu hao trong năm	1.511.509.395	2.149.000.347	200.012.004	-	54.837.240	3.915.358.986
Tại ngày 31/12/2023	19.525.695.453	36.055.122.926	1.814.111.974	253.911.155	1.242.879.177	58.891.720.685
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2023	23.495.165.335	14.813.637.979	1.232.779.111	-	676.197.913	40.217.780.338
Tại ngày 31/12/2023	23.663.847.686	15.694.074.632	1.032.767.107	-	621.360.673	41.012.050.098

\* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 32.963.262.991 VND.





**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE**

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm	Cộng
	VNĐ	VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2023	319.090.900	319.090.900
Tại ngày 31/12/2023	319.090.900	319.090.900
<b>GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2023	319.090.900	319.090.900
Tại ngày 31/12/2023	319.090.900	319.090.900
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2023	-	-
Tại ngày 31/12/2023	-	-

\* Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 319.090.900 VNĐ.

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Công ty TNHH MTV Dược Enlie	5.000.000.000	(550.745.995)		5.000.000.000	-	
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>(550.745.995)</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>-</b>	

Theo giấy chứng nhận doanh nghiệp số 3702821179, thay đổi lần thứ 2 vào ngày 25 tháng 06 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Dược Enlie với số tiền là 5.000.000.000 VNĐ, tương ứng 100% vốn điều lệ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE**

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

**12. PHẢI TRẢ NHÀ CUNG CẤP NGẮN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Suheung Việt Nam	484.155.000	484.155.000	1.313.025.000	1.313.025.000
Công ty TNHH Bao Bi Tân Thành	557.499.518	557.499.518	934.022.582	934.022.582
Công Ty TNHH MTV Dược Anpharma	-	-	3.809.630.150	3.809.630.150
Công ty Cổ phần TB VT KHKT và Du Lịch Trung Sơn T.S.S.E	-	-	1.540.000.000	1.540.000.000
Công ty CP Hóa Dược Quốc Tế Phương Nam	1.598.506.250	1.598.506.250	1.091.050.350	1.091.050.350
Aristoppharma Ltd.	4.807.611.250	4.807.611.250	-	-
Albios Lifesciences Private Limited	2.953.200.000	2.953.200.000	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn khác	2.780.843.231	2.780.843.231	4.511.468.644	4.511.468.644
<b>Cộng</b>	<b>13.181.815.249</b>	<b>13.181.815.249</b>	<b>13.199.196.726</b>	<b>13.199.196.726</b>

Trong đó:

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả cho bên liên quan</b>				
Công ty CP Dược Đại Nam	69.334.681	69.334.681	69.334.681	69.334.681
<b>Cộng</b>	<b>69.334.681</b>	<b>69.334.681</b>	<b>69.334.681</b>	<b>69.334.681</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE**

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VNĐ	VNĐ
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>9.357.989.332</b>	<b>13.711.224.027</b>
Công ty TNHH Đại Bắc	5.651.916.354	3.736.588.100
Công ty CP Dược Đại Nam	-	8.143.110.020
Công ty TNHH Dược Phẩm QM Pharma	1.671.593.250	264.062.227
Người mua khác trả tiền trước ngắn hạn	2.034.479.728	1.567.463.680
<b>Cộng</b>	<b>9.357.989.332</b>	<b>13.711.224.027</b>

Trong đó:

	31/12/2023	01/01/2023
	VNĐ	VNĐ
<b>Bên liên quan trả tiền trước</b>		
Công ty CP Dược Đại Nam	-	8.143.110.020
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>8.143.110.020</b>

**14. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VNĐ	VNĐ
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>2.539.078.700</b>	<b>2.652.824.700</b>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	134.500.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.475.144.000	2.489.394.000
Phải trả ngắn hạn khác	63.934.700	28.930.700
<b>Phải trả dài hạn khác</b>	<b>4.120.927.500</b>	<b>62.851.250</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.093.730.000	-
Phải trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động	27.197.500	62.851.250
<b>Cộng</b>	<b>6.660.006.200</b>	<b>2.715.675.950</b>

Trong đó:

	31/12/2023	01/01/2023
	VNĐ	VNĐ
<b>Phải trả khác cho bên liên quan</b>		
Công ty CP Dược Đại Nam	3.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE**

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

**15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2023	Trong năm		31/12/2023
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>32.828.786.822</b>	<b>82.690.039.542</b>	<b>77.969.784.637</b>	<b>35.813.229.727</b>
Vay các cá nhân (15.1)	6.390.000.000	4.689.840.000	5.590.000.000	5.489.840.000
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	24.702.974.822	46.185.311.077	70.888.285.899	-
Ngân hàng TMCP Quân đội (15.2)	-	31.814.888.465	1.491.498.738	30.323.389.727
Vay dài hạn đến hạn trả	1.735.812.000	-	-	-
<b>Vay dài hạn</b>	<b>3.584.107.170</b>	<b>1.540.000.000</b>	<b>6.859.919.170</b>	
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.319.919.170	1.540.000.000	6.859.919.170	-
Vay dài hạn đến hạn trả	(1.735.812.000)	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>36.412.893.992</b>	<b>84.230.039.542</b>	<b>84.829.703.807</b>	<b>35.813.229.727</b>

(15.1) Các hợp đồng vay ngắn hạn cá nhân. Thời hạn vay từ 06 đến 12 tháng. Lãi suất từ 8%/năm đến 11,2%/năm. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(15.2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Nam Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 176598.23.281.9277329.TD ngày 15/12/2023; Hạn mức tín dụng: 35 tỷ; Thời hạn cấp tín dụng đến ngày 28/11/2024. Mục đích cấp tín dụng: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và tài trợ khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/3936886/HĐTĐ ngày 12/12/2022, phụ lục hợp đồng đi kèm (nếu có) với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ; Thời hạn vay: 9 tháng; Tài sản đảm bảo:

- Căn hộ A01.08 tầng 1, block A, khu căn hộ Hoàng Anh River View. Địa chỉ: 37 Nguyễn Văn Hưởng, phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM thuộc đồng sở hữu của ông An Mạnh Hùng và Bà Nguyễn Thụy Tân Vi theo hợp đồng thế chấp số 177163.23.281.9277329.BD ngày 20/12/2023.
- Nhà máy sản xuất dược theo Giấy chứng nhận số: BA163323 và số BA163376 tại KCN Mỹ Phước II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thế chấp số 177198.23.281.9277329.BD ngày 21/12/2023.

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

	Vốn Điều lệ đăng ký theo			Vốn góp thực tế tại ngày		
	Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp			31/12/2023		
	VNĐ	Cổ phần	%	VNĐ	Cổ phần	%
Công ty CP Dược Đại Nam	40.402.000.000	4.040.200,00	67,34%	40.402.000.000	4.040.200,00	67,34%
Công ty CP Dược Hậu Giang	1.750.000.000	175.000,00	2,92%	1.750.000.000	175.000,00	2,92%
Các cổ đông khác	17.848.000.000	1.784.800,00	29,75%	17.848.000.000	1.784.800,00	29,75%
<b>Cộng</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>6.000.000,00</b>	<b>100,00%</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>6.000.000,00</b>	<b>100,00%</b>



**VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**Thay đổi của vốn chủ sở hữu:**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022	60.000.000.000	24.103.060	(12.525.224.274)	47.498.878.786
Lỗ trong năm	-	-	(2.815.431.334)	(2.815.431.334)
Tại ngày 01/01/2023	60.000.000.000	24.103.060	(15.340.655.608)	44.683.447.452
Lỗ trong năm	-	-	(10.172.235.300)	(10.172.235.300)
Tại ngày 31/12/2023	60.000.000.000	24.103.060	(25.512.890.908)	34.511.212.152

**Cổ phiếu:**

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VNĐ/cổ phiếu	10.000	10.000

**17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2023	01/01/2023	Nguyên nhân xóa sổ
	VND	VND	
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	1.353.900.744	1.353.900.744	Theo thỏa thuận xóa khoản hỗ trợ lãi vay
Công ty TNHH Dược phẩm Hưng Phúc	355.819.281	355.819.281	Không thu hồi được
Công ty TNHH Dược phẩm Hải Tâm	540.040.712	540.040.712	Không thu hồi được
Các khoản trả trước cho người bán	122.981.704	122.981.704	Không thu hồi được
Các khoản phải thu khách hàng	1.272.517.063	1.272.517.063	Không thu hồi được
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.645.259.504</b>	<b>3.645.259.504</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE**

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VNĐ	VNĐ
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	119.191.135.647	100.370.263.512
Doanh thu cung cấp dịch vụ	635.718.378	1.330.254.954
<b>Cộng</b>	<b>119.826.854.025</b>	<b>101.700.518.466</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	366.644.848	83.221.460
Giảm giá hàng bán	3.002.500	2.513.280
<b>Cộng</b>	<b>369.647.348</b>	<b>85.734.740</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>119.457.206.677</b>	<b>101.614.783.726</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
	VNĐ	VNĐ
<b>Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn thành phẩm đã bán	103.432.736.884	82.390.410.155
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	426.629.016	887.250.749
Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác được tính trực tiếp vào giá vốn	14.803.737.420	12.624.467.940
<b>Cộng</b>	<b>118.663.103.320</b>	<b>95.902.128.844</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.155.854	2.500.929
Cổ tức, lợi nhuận được chia	117.335.804	302.159.590
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	163.533.074	188.347.500
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	172.518.162	1.137.105.667
<b>Cộng</b>	<b>456.542.894</b>	<b>1.630.113.686</b>

**4. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VNĐ	VNĐ
Lãi vay	3.660.940.931	2.840.318.630
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	164.287.101	628.028.357
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	550.745.995	-
<b>Cộng</b>	<b>4.375.974.027</b>	<b>3.468.346.987</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE**

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm nay	Năm trước
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên	784.641.387	230.430.645
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	66.674.513	11.652.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.578.264	73.578.264
Chi phí bằng tiền khác	156.689.398	41.573.118
<b>Cộng</b>	<b>1.081.583.562</b>	<b>357.234.527</b>

**6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	3.046.567.477	2.606.282.805
Chi phí đồ dùng văn phòng	58.045.588	786.536.319
Chi phí khấu hao tài sản cố định	451.678.992	451.678.992
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	(56.577.416)	(26.117.311)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.354.275.749	1.413.859.721
Chi phí bằng tiền khác	597.242.493	1.337.959.506
<b>Cộng</b>	<b>6.454.232.883</b>	<b>6.573.200.032</b>

**7. LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VNĐ	VNĐ
<b>Thu nhập khác</b>		
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	60.454.545
Thu nhập khác	488.908.922	222.910.085
<b>Cộng</b>	<b>488.908.922</b>	<b>283.364.630</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản bị phạt	-	17.782.986
Chi phí khác	1	25.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1</b>	<b>42.782.986</b>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động khác</b>	<b>488.908.921</b>	<b>240.581.644</b>

**8. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VNĐ	VNĐ
<b>(Lỗ) trước thuế</b>	<b>(10.172.235.300)</b>	<b>(2.815.431.334)</b>
<b>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>3.493.162.565</b>	<b>2.388.854.431</b>
Các khoản chi phí không được trừ khi tính thuế	7.895.650	109.782.385
Chi phí lãi vay không được trừ	3.485.266.915	2.279.072.046
<b>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(117.335.804)</b>	<b>(302.159.590)</b>
Thu nhập không chịu thuế	(117.335.804)	(302.159.590)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(6.796.408.539)</b>	<b>(728.736.493)</b>
<b>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		
Hoạt động kinh doanh chính	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	97.606.037.870	75.995.209.083
Chi phí nhân công	20.826.618.459	19.609.823.905
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.915.358.986	3.226.122.891
Chi phí bằng tiền khác	5.244.212.682	6.858.467.280
<b>Cộng</b>	<b>127.592.227.997</b>	<b>105.689.623.159</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	Năm nay	Năm trước
	VNĐ	VNĐ
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	84.230.039.542	51.604.148.561
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(84.829.703.807)	(41.801.965.485)

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

**2. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Dược Đại Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dược Enlie	Công ty con
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE**

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

**GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp Theo)**

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Công ty CP Dược Đại Nam</b>		
Bán hàng	52.073.617.314	19.127.368.872
Cung cấp dịch vụ	10.400.000	63.000.000
Mua hàng	14.351.674	-
<b>Công ty TNHH MTV Dược Enlie</b>		
Bán hàng	1.993.341.028	54.261.776.470
Cung cấp dịch vụ	122.579.934	160.224.825
Mua hàng	11.911.905	126.944.265
Lãi chậm thanh toán	172.518.162	1.137.105.667
Lợi nhuận được phân phối	117.335.804	302.159.590
<b>Lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc</b>		
An Mạnh Hùng	424.730.000	390.000.000
Lê Sỹ Tuấn	604.730.000	571.800.000
Võ Viết Hùng	485.730.000	277.963.636

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Công ty CP Dược Đại Nam</b>		
Phải thu của khách hàng	6.338.692.975	-
Phải trả người bán	69.334.681	69.334.681
Người mua trả tiền trước	-	8.143.110.020
Phải trả khác	3.000.000.000	-
<b>Công ty TNHH MTV Dược Enlie</b>		
Phải thu của khách hàng	1.368.706.962	19.392.216.187
Phải thu khác	-	882.982.823

**3. TRÌNH BÀY TÀI SẢN, DOANH THU KẾT QUẢ KINH DOANH THEO BỘ PHẬN**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh trong kỳ như sau:

Lĩnh vực kinh doanh	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
	VND	VND	VND
Bán thành phẩm	118.821.488.299	103.432.736.884	15.388.751.415
Cung cấp dịch vụ	635.718.378	426.629.016	209.089.362
<b>Cộng</b>	<b>119.457.206.677</b>	<b>103.859.365.900</b>	<b>15.597.840.777</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE**

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

**4. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

	Giá trị	Tỷ lệ
	VNĐ	%
<b>Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh</b>		
<u>Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế TNDN năm nay</u>	(10.172.235.300)	-16,95%
Vốn điều lệ	60.000.000.000	
<u>Lợi nhuận/(Lỗ) lũy kế</u>	(25.512.890.908)	-42,52%
Vốn điều lệ	60.000.000.000	
<b>Các chỉ tiêu tài chính</b>		
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	6.100.604.363	
<u>Tài sản ngắn hạn</u>	49.664.054.521	79,42%
Nợ ngắn hạn	62.535.591.194	
<u>Nợ phải trả</u>	66.656.518.694	193,14%
Vốn chủ sở hữu	34.511.212.152	
Dư nợ vay ngân hàng và vay đối tượng khác	35.813.229.727	

Các chỉ số của Báo cáo tài chính được thể hiện như trên. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, doanh nghiệp không có ý định cũng như không có bất kỳ các Quyết định của các Cơ quan quản lý nào buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



**Người lập biểu**  
**NGUYỄN THỊ MỸ TRINH**  
Bình Dương, ngày 29 tháng 02 năm 2024



**Kế toán trưởng**  
**PHẠM HỒNG NHUNG**



**Tổng Giám đốc**  
**AN MẠNH HÙNG**